

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố Châu Đốc về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của ông Lê Duy Linh - Giám đốc Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Châu Đốc tại Văn bản số 06/CV-CDOC ngày 23 tháng 6 năm 2023, văn bản số 07/CV-CDOC ngày 18 tháng 7 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Châu Đốc tại Tờ trình số 210/TTr.PTNMT ngày 19 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Châu Đốc: Ông Lê Duy Linh – Giám đốc chi nhánh, địa chỉ tại tổ 21, khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Siêu thị Co.opmart Châu Đốc tại địa chỉ tổ 21, khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Siêu thị Co.opmart Châu Đốc.

1.2. Địa điểm hoạt động: tổ 21, khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy đăng ký chi nhánh hợp tác xã số: 0301175691-029, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 12 năm 2022 do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 0301175691-029

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích cơ sở 8.365m² tại tổ 21, khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đường Lê Lợi; phía Đông giáp đường Nguyễn Trường Tộ, phía Nam và phía Tây giáp đường quy hoạch.

Tọa độ khu vực thực hiện dự án:

Kí hiệu điểm	Hệ tọa độ VN 2000	
	X	Y
A	540762	1184162
B	540717	1184069
C	540792	1184020
D	540827	1184066
E	540795	1184094
F	540815	1184143

- Quy mô dự án: Tổng vốn đầu tư 75.000.000.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ đồng) thuộc nhóm B (theo Khoản 4, Điều 9, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019).

- Công suất của cơ sở: Tổng diện tích dự án đầu tư: 8.365 m²; công suất hoạt động của dự án ước tính khoảng 1.100 người/ngày. Trong đó:

+ Nhân viên: 100 người.

+ Khách hàng: 1.000 khách/ngày.đêm.

- Quy trình hoạt động tại dự án như sau:

Siêu thị Co.opmart lấy nguồn nguyên liệu là sản phẩm may mặc, thực phẩm,... được lấy từ các nơi trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài, sau đó bán lại cho khách hàng có nhu cầu cần sử dụng.

Quá trình hoạt động, khách hàng có thể mua các hàng hóa là nhu yếu phẩm thường dùng như rau củ, quả, thực phẩm tươi sống, hàng khô, đồ gia dụng khác, hoặc đến siêu thị để ăn uống,...

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Châu Đốc được cấp Giấy

phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Châu Đốc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 26 tháng 7 năm 2023 đến ngày 26 tháng 7 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Châu Đốc, Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *ly*

Nơi nhận:

- Sở TN và MT tỉnh AG;
- TT. UBND/TP;
- LĐVP;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng TN và MT;
- UBND phường Châu Phú B;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Phúc

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố Châu Đốc)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (hoạt động sinh hoạt của nhân viên và khách hàng đến mua sắm);
- Nguồn số 02: Nước thải nấu bếp (quá trình nấu ăn và sơ chế thực phẩm tại khu chế biến).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau khi được xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải tập trung $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B) được đầu nối vào cống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Trường Tộ.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Trường Tộ, thuộc tổ 21, khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B.

2.2. Vị trí xả nước thải :

- Cống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Trường Tộ, thuộc tổ 21, khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc.
- Tọa độ vị trí xả thải: $X = 0540832$; $Y = 1184069$ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, tương đương $2,083\text{m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi qua Hệ thống xử lý nước thải $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ sau đó dùng bơm để bơm nước thải vào hố ga thoát nước trong khuôn viên siêu thị bằng đường ống PVC đường kính 60mm, nước thải tự chảy vào cống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Trường Tộ bằng đường ống bê tông cốt thép đường kính 60mm, chiều dài 5m.

- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Nước thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1,0
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước:

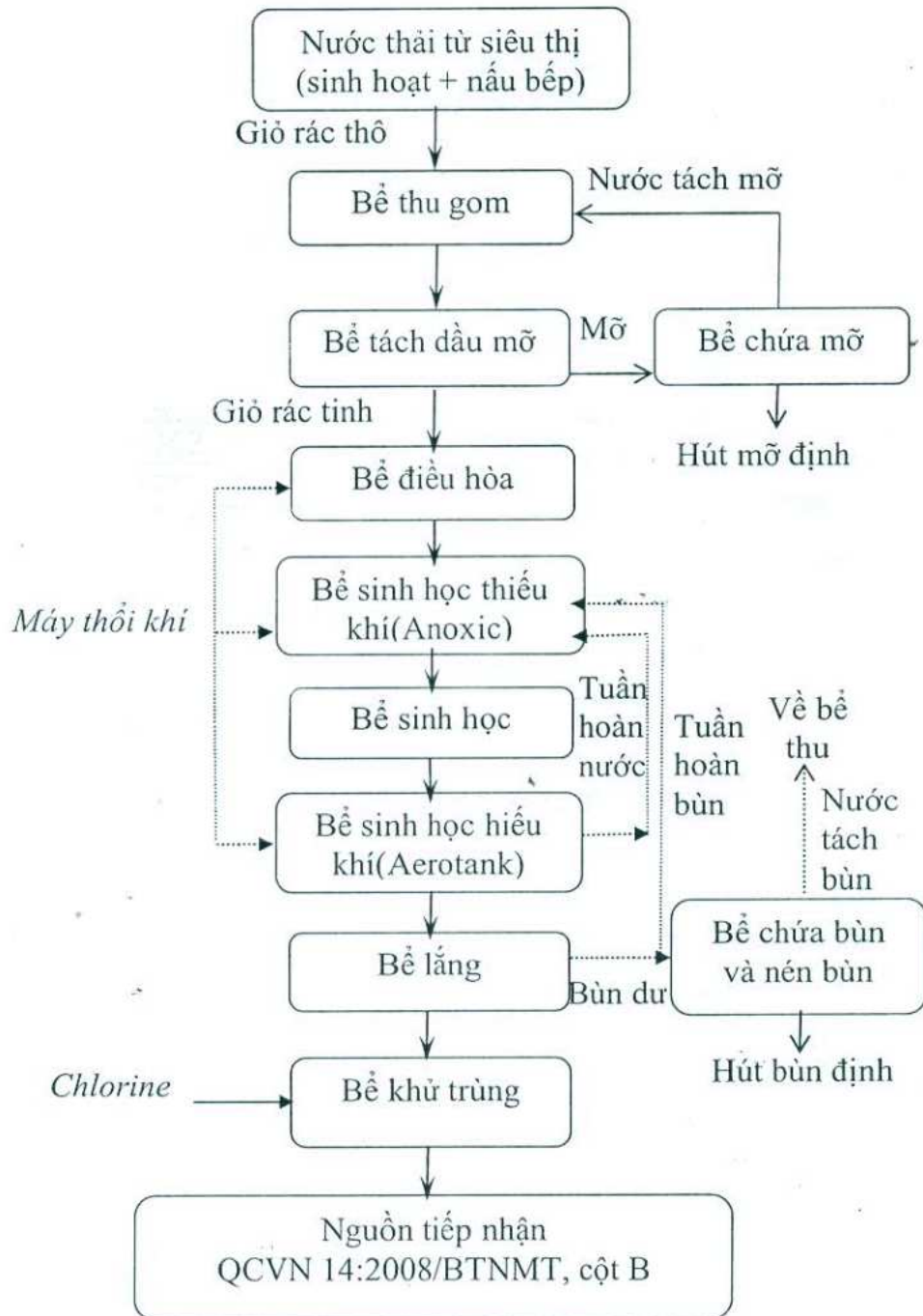
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các bể tự hoại (kích thước DxRxH: 5,0 x 3,0 x 2,0 m) và nước thải nấu bếp từ bể tách dầu mỡ (kích thước DxRxH: 4,0 x 2,0 x 3,0 m) sẽ được thu gom bằng đường ống bê tông cốt thép đường kính 200 mm, chiều dài 142,5m, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung 50m³/ngày.đêm của cơ sở.

- Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B) sau đó dùng bơm để bơm nước thải vào hố ga thoát nước trong khuôn viên siêu thị bằng đường ống PVC đường kính 60 mm, nước thải tự chảy vào cống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Trường Tộ bằng đường ống bê tông cốt thép đường kính 600mm, chiều dài 5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.đêm

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải:

- Các thiết bị chính (máy thổi khí, bơm chìm, máy khuấy chìm và bơm định lượng) đều được lắp đặt mỗi vị trí 2 thiết bị hoạt động theo chế độ luân phiên 1 thiết bị chạy, 1 thiết bị nghỉ. Khi có 1 thiết bị gặp sự cố phải ngưng hoạt động, thiết bị còn lại sẽ được kích hoạt động.

- Tính toán và sử dụng hệ thống điện để kết nối máy móc thiết bị sao cho cao hơn công suất thực tế của máy móc thiết bị đó, nhằm hạn chế quá trình hoạt động quá tải dẫn đến dây dẫn điện bị cháy nổ.

- Công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải được nhân viên vận hành thực hiện hàng ngày, kiểm tra tình trạng hoạt động của toàn bộ máy móc thiết bị và các bồn bể, ghi nhận các dấu hiệu bất thường và các sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và liên tục theo đúng quy trình xử lý.

- Ngừng xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, khẩn trương thực hiện rà soát, kiểm tra phát hiện sự cố để kịp thời xử lý đảm bảo không để nước thải gây ô nhiễm môi trường. Báo cáo cơ quan thẩm quyền và tổ chức khắc phục trong thời gian sớm nhất.

- Nhanh chóng kiểm tra và khắc phục trong thời gian sớm nhất để hệ thống sớm vận hành trở lại, đảm bảo không để xảy ra tình trạng nước thải phát sinh vượt quá khả năng chịu tải của hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường (theo điểm h, khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hoàn thành bố trí các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các nguồn chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định.

3.3. Trong quá trình hoạt động, nếu có các vấn đề phát sinh liên quan đến xử lý chất thải, vận hành hệ thống xử lý nước thải hoặc có sự cố bất thường, chủ cơ sở báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố và tổ chức khắc phục theo quy định.

Phụ lục 2

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố Châu Đốc)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại.	Rắn	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	Rắn	16 01 06
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng: khoảng 100kg/năm, tương đương khoảng 4,17kg/tháng.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 145kg/ngày, tương đương 4.350kg/tháng.

1.3. Khối lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh: khoảng 1,85 kg/ngày, tương đương 55,56kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1 Thiết bị lưu chứa: Trang bị 06 thùng chứa HDPE dung tích 10 lít, có nắp đậy (kích thước: 240mm x 200mm x 390mm), bên ngoài các thùng chứa có dán nhãn theo quy định để thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại (riêng bóng đèn huỳnh quang thải được chứa trong 01 thùng nhựa có dung tích 220 lít).

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Vị trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 7,0m² nằm tách biệt với khu vực kinh doanh.

- Mặt sàn kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ kho lưu giữ CTNH; thiết kế hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

- Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

- Bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ 01 năm/lần. Các công tác thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý đảm bảo đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 20 thùng chứa rác 20 lít (kích thước DxRxH: 350 x 340 x 440 mm), có nắp đậy dọc theo hành lang sân bãi, khu vực nấu nướng,...

2.2.2. Điểm tập kết rác sinh hoạt: cuối ngày rác thải sinh hoạt được tập kết về vị trí 06 thùng rác 240 lít (kích thước DxRxH: 750 x 600 x 1060mm) bố trí cạnh tuyến đường Nguyễn Trường Tộ để đơn vị đến thu gom, vận chuyển xử lý.

2.3. Biện pháp quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

Định kỳ 6 tháng/lần sẽ tiến hành nạo vét lượng bùn phát sinh tại các hố ga; Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*** Phòng ngừa khi sử dụng hóa chất:**

- Trang bị đầy đủ các vật dụng như quần áo, khẩu trang, kính, găng tay, mũ khi tiếp xúc với hóa chất.

- Khi hóa chất rơi vào người, tay thì phải rửa ngay dưới vòi nước sạch. Nếu không may bị hóa chất hóa chất vào mắt, miệng thì cần đến ngay Cơ sở y tế gần nhất để kiểm tra.

- Khi hít phải hóa chất có triệu chứng ho, đau ngực, nhức đầu,... nên đến ngay Cơ sở y tế để bác sĩ kiểm tra.

- Khi lỡ tiếp xúc trực tiếp với Chlorine lỏng dẫn đến bỏng nặng thì ngay lập tức rửa dưới nước sạch trong 15 phút.

- Không sử dụng hóa chất dưới ánh nắng trực tiếp bởi vì sẽ giảm công dụng khử trùng của Clorine.

- Chú ý dùng đúng liều lượng, không nên sử dụng quá liều sẽ gây độc hại, ảnh hưởng tới sức khỏe.

Phụ lục 3
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố Châu Đức)

A. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CHẤT THẢI

1. Kế hoạch thực hiện chương trình giám sát:

1.1. Thời gian thực hiện: tháng 06 và tháng 12 hàng năm.

1.2. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí nước thải đầu ra đầu ra của hệ thống xử lý nước thải 50 m³/ngày.đêm sau xử lý.

1.3. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1,0
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

2. Tần suất lấy mẫu: 02 lần/năm.

Nước thải đầu ra: 01 mẫu đơn x 02 lần = 02 mẫu.

3. Báo cáo giám sát:

Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Châu Đức thực hiện báo cáo giám sát định kỳ và gửi về cơ quan cấp phép theo quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

Cơ sở chủ yếu kinh doanh dịch vụ đa sản phẩm, do đó không có phát sinh bụi, khí thải. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Cơ sở có trang bị máy phát điện dự phòng nhằm phòng ngừa sự cố điện lưới quốc gia cúp, khi vận hành, khí thải từ máy phát điện có chứa bụi than, SO₂, NO, CO,... Để giảm thiểu nguồn phát sinh khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, cơ sở đã trang

bị một số biện pháp đảm bảo cho môi trường không khí xung quanh cơ sở đạt Quy chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 05:2013/BTNMT, cụ thể như sau:

- Tại ống xả của máy phát điện được lắp đầu giảm thanh, lắng bụi và nối với ống khói. Ống khói được làm bằng thép không rỉ, chịu nhiệt cao. Khí thải máy phát điện được khuếch tán ra môi trường xung quanh qua ống khói cao hơn mái nhà chứa 0,5m.

- Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh nằm trong quy chuẩn cho phép ($S < 0,25\%$);

- đảm bảo cho môi trường không khí xung quanh Cơ sở đạt các Quy chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B), và không làm phát sinh bên ngoài Cơ sở.

C. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ hoạt động của máy phát điện (chu kỳ hoạt động không thường xuyên).

Cơ sở đã bố trí máy phát điện dự phòng tại khu vực riêng biệt, đặt trong phòng cách âm và có lắp đặt đệm chống rung, cách xa khu vui chơi, giải trí, kinh doanh hàng hóa,... không gây ảnh hưởng đến khách hàng cũng như dân cư xung quanh.

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

Giới hạn tối đa cho phép về độ rung

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60